

Số: 4624/QĐ-ĐHTV

Trà Vinh, ngày 31 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành khung định mức
giờ chuẩn của giảng viên Trường Đại học Trà Vinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Căn cứ Quyết định số 141/2006/QĐ-TTg ngày 19/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Trà Vinh;

Căn cứ Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 20/5/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Trà Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Trà Vinh và Nghị quyết số 27/NQ-HĐT ngày 14/10/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Trà Vinh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Trà Vinh ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 20/5/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Trà Vinh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức Nhân sự, Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng phòng Khoa học Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành khung định mức giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác của giảng viên Trường Đại học Trà Vinh như sau:

1. Thời gian làm việc của giảng viên trong năm học là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính) để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy (GD), nghiên cứu khoa học (NCKH), phục vụ cộng đồng (PVCĐ) và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác (CMK), được xác định theo năm học sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định. **Năm học được kết thúc vào ngày 30/6 hàng năm.**

a. Định mức giờ chuẩn theo chức danh

TT	Chức danh	Khung chuẩn	GD		NCKH		PVCĐ, CMK		Tổng giờ hành chính
			Giờ hành chính	Chuẩn giảng dạy	Giờ hành chính	Chuẩn NCKH	Giờ hành chính	Chuẩn PVCĐ, CMK	
1	Giảng viên cao cấp (hạng I) và tương đương	1	630	210	855	285	275	91	1.760
		2	810	270	720	240	230	76	1.760
		3	990	330	585	195	185	61	1.760
2	Giảng viên chính (hạng II) và tương đương	1	630	210	765	255	365	121	1.760
		2	810	270	675	225	275	91	1.760
		3	990	330	585	195	185	61	1.760
3	Giảng viên (hạng III) và tương đương	1	630	210	675	225	455	151	1.760
		2	810	270	630	210	320	106	1.760
		3	990	330	585	195	185	61	1.760
4	Giảng viên tập sự	1	810	135	630	(dự giờ, trợ giảng và tham gia thực tập, thực tế)	320	106	1.760
5	Trợ giảng	Thực hiện các nhiệm vụ: 1. Hỗ trợ giảng viên trong các hoạt động giảng dạy, bao gồm: Chuẩn bị bài giảng, phụ đạo, hướng dẫn bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành, thực tập và chấm bài; 2. Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học; 3. Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế tổ chức, hoạt động của Bộ môn, Khoa, Trường.							1.760

b. Giảng viên thực hiện nhiệm vụ giảng dạy phải đảm bảo giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) tối thiểu 50% định mức quy định được phê duyệt.

c. Đối với những giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy định, Hiệu trưởng căn cứ mức độ, hoàn cảnh cụ thể để xem xét khi đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách liên quan; đồng thời, cho phép bù giờ chuẩn giảng dạy sang giờ nghiên cứu khoa học đối với những giảng viên này.

2. Định mức công bố sản phẩm khoa học (được tính giờ chuẩn NCKH theo quy định và phục vụ công tác đánh giá, xếp loại viên chức)

a. Từ 01/07/2023 đến 30/6/2026: Giảng viên có học vị Tiến sĩ và tương đương (khỏi đào tạo) công bố tối thiểu 01 bài báo (tác giả độc lập, tác giả thứ nhất hoặc tác giả liên hệ) trên tạp chí khoa học thuộc cơ sở dữ liệu Web of Science (WoS) hoặc Scopus; Hoặc tối thiểu 01 sách chuyên khảo/ giáo trình hoặc 02 chương sách chuyên khảo bằng tiếng nước ngoài do nhà xuất bản quốc tế có uy tín hoặc nhà xuất bản thuộc trường đại học nằm trong nhóm 1000 trường đại học hàng đầu thế giới xuất bản; Hoặc tối thiểu 01 bằng độc quyền sáng chế chuẩn Patent của Mỹ/ của Châu Âu/ của Đông Bắc Á hoặc chuẩn Patent của Việt Nam; Hoặc tối thiểu 01 bằng độc quyền giải pháp hữu ích; Hoặc có sản phẩm khoa học công nghệ được chuyển giao đem lại lợi nhuận từ 300 triệu trở lên (tính cả giai đoạn).

b. Từ 01/07/2023 đến 30/6/2026: Giảng viên có học vị Thạc sĩ (khỏi đào tạo) công bố tối thiểu 01 bài báo (tác giả độc lập, tác giả thứ nhất hoặc tác giả liên hệ) công bố trên các tạp chí quốc tế có chỉ số ISSN hoặc hội thảo quốc tế uy tín có phản biện và được xuất bản (có chuyên ngành phù hợp), hoặc bài báo bằng tiếng Anh đăng tạp chí trong nước có chỉ số ISSN.

c. Từ 01/07/2023 đến 30/6/2026: Đối với các giảng viên có học vị Tiến sĩ vừa tốt nghiệp hoặc được điều chuyển vị trí công tác trong khoảng thời gian này thì thực hiện theo các trường hợp sau:

- Trường hợp 1: Nếu thời gian còn lại tính đến 30/6/2026 nhiều hơn 24 tháng thì
 - + Đối với Tiến sĩ vừa tốt nghiệp và luân chuyển vị trí trong khối đào tạo: công bố tối thiểu theo điểm a, khoản 2 Điều này;
 - + Đối với viên chức luân chuyển từ khối phục vụ đào tạo sang khối đào tạo: công bố tối thiểu như tại điểm b, khoản 2 Điều này trở lên.

- Trường hợp 2: Nếu thời gian còn lại tính đến 30/6/2026 ít hơn 24 tháng thì công bố tối thiểu theo điểm b, khoản 2 Điều này trở lên, chỉ áp dụng cho khối đào tạo, không áp dụng cho viên chức chuyển từ khối phục vụ đào tạo sang khối đào tạo.

d. Từ 01/07/2026 trở đi (tính theo năm học): Tiến sĩ khối đào tạo, cứ mỗi 02 năm liên tiếp mỗi giảng viên phải có công bố (tác giả độc lập, tác giả thứ nhất hoặc tác giả liên hệ) theo điểm a, khoản 2 Điều này.

e. Từ 01/07/2026 trở đi (tính theo năm học): Thạc sĩ khối đào tạo, cứ mỗi 03 năm liên tiếp mỗi giảng viên phải có công bố (tác giả độc lập, tác giả thứ nhất hoặc tác giả liên hệ) theo điểm a, khoản 2 Điều này, riêng giảng viên giáo dục thể chất và thể thao thực hiện tối thiểu theo điểm b, khoản 2 Điều này.

f. Không áp dụng các điểm a, b, c, d, e khoản 2 Điều này đối với giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể:

a. Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể (trừ giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh) có nghĩa vụ giảng dạy tối thiểu theo định mức tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT (tính theo tỷ lệ % của định mức giờ chuẩn giảng dạy là 270 giờ theo từng chức danh cụ thể).

b. Giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác quản lý, công tác đảng, đoàn thể trong cơ sở giáo dục đại học có nghĩa vụ giảng dạy theo định mức quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 15/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH-BQP-BCA-BNV-BTC ngày 16/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính, Quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh.

c. Giảng viên kiêm nhiệm nhiều chức vụ được áp dụng định mức giờ chuẩn giảng dạy thấp nhất trong số các chức vụ kiêm nhiệm theo quy định.

Điều 2. Trước khi năm học mới bắt đầu, giảng viên đăng ký khung giờ chuẩn theo định mức được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1. Trường đơn vị căn cứ định mức của quy định này và tổng giờ chuẩn giờ dạy chung của đơn vị; mục tiêu, chiến lược phát triển của đơn vị; đặc thù của từng bộ môn/khoa, chuyên ngành đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị để xét duyệt định mức đăng ký khung giờ chuẩn của giảng viên trong một năm theo đúng định mức của quy định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ năm học 2023-2024, thay thế Quyết định số 7198/QĐ-ĐHTV ngày 17/10/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh về việc ban hành khung định mức giờ chuẩn của giảng viên Trường Đại học Trà Vinh. Các nội dung về giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và nhiệm vụ chuyên môn khác không được quy định trong văn bản này sẽ thực hiện theo Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan của Trường Đại học Trà Vinh.

Điều 4. Trưởng phòng Tổ chức Nhân sự, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Khoa học Công nghệ và Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Trà Vinh, viên chức, giảng viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *mm*

Nơi nhận:

- HĐT (b/c);
- BGH;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường;
- Đăng EDesk;
- Lưu: VT, PĐT, P.TCNS, P.KHCN, P.TTrPC.



HIỆU TRƯỞNG *mm*

Nguyễn Minh Hòa